

Name: _____

Class: S4



Date:/....../20....

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 4

OVERALL REVISION & FLYERS SPEAKING PRACTICE

❖ **Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

I. Odd one out.

- | | | | |
|----|---------------|----------------|--------------------|
| 0. | A. crunchy | B. fresh | C. cut |
| 1. | A. bathroom | B. bedroom | C. local materials |
| 2. | A. charger | B. modern | C. water tub |
| 3. | A. mysterious | B. solar panel | C. appliances |
| 4. | A. colourful | B. delicious | C. valley |
| 5. | A. meadow | B. churn | C. unplug |

II. Fill in the blanks.

turned off	put on	unplug	cut	churning	<i>rinse</i>
------------	--------	--------	-----	----------	--------------

0. Rinse the cooked pasta with boiling water.

- _____ the TV before you go on holiday.
- The boy has _____ local power and gas supplies.
- Dorothy _____ her coat and went out.
- _____ means to mix milk or cream in a special container to make butter.
- He _____ the cake into six pieces and gave each child a slice.

III. Unscramble the words.

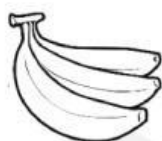
0. The **valley** was surrounded (bao quanh) by beautiful mountains.

- She put m _ _ r g a r _ _ n e on her toast for breakfast.
- The coffee had a f _ _ o _ _ h of cream on top.
- He was so gr _ _ _ dy. He did not want to give us the cookies.
- Jessica is so h _ _ l p f _ _ l. She gave me some cooking tips (mẹo).
- The g _ _ n e r _ _ u s man bought some food for the boy.

IV. Choose the correct answer.

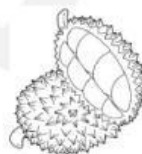
0. Mary's house is _____ - it has 8 bedrooms and 2 kitchens!
☒ A. enormous B. colourful C. tiny
1. This knife does not _____ very well.
 A. cut B. unplug C. churn
2. Which fruit is a tropical fruit with a smooth skin, orange-yellow flesh (*thịt của trái cây*), with a large, hard seed in the middle?
 A. durian B. mango C. papaya
3. Eat an orange instead of drinking _____.
 A. mushroom B. tomato C. orange juice
4. Mushrooms do not stay _____ for long.
 A. fresh B. clean C. wooden
5. The castle is situated (*tọa lạc*) on a hill overlooking (*nhìn ra*) a _____.
 A. dining room B. mud C. valley

V. Write the correct name of the fruit. Choose the best adjective.



0. Banana

- ☒ A. sweet
 B. hard
 C. crunchy



1. D _____

- A. sticky
 B. spiky
 C. sour



2. W _____

- A. creamy
 B. bitter
 C. fresh



3. O _____

- A. spicy
 B. comfortable
 C. large



4. P _____

- A. chewy
 B. salty
 C. delicious



5. D _____

- A. mean
 B. juicy
 C. generous

- ❖ **Lưu ý 1:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển.
Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **2 dòng** để ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 2:** Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc.

Part 1

– 10 questions –

Look and read. Choose the correct words and write them on the lines. There is one example.

jam	actors	a firefighter	a flashlight
-----	--------	---------------	--------------

an astronaut cheese a cook a ring	This is usually round and hot with tomatoes on top. a pizza 1 People need to eat this white food. We get it from the sea and it tastes nice on chips. 2 If you have problems with your car, you take it to this person. 3 This is usually made of silver or gold and you can wear it on your finger. 4 It's this person's job to make meals for other people. 5 This is often red and is made from fruit and sugar. People put it on bread. 6 You carry this to help you see where you are walking on a dark night. 7 You can use this when you want to have tidy hair. 8 This person has learned to fly a rocket into space. 9 These people are good at painting and other people buy their pictures. 10 This is usually yellow. You might need a knife to cut a piece to put in a sandwich.	flour salt a mechanic a pizza
---	---	---

a spoon	a comb	artists
---------	--------	---------

https://youtu.be/E6XvnykgO1g?si=Juf1-PgMbTerr_kO&t=40 (Tür 0:40 – 5:20)

Part 1

– 5 questions –

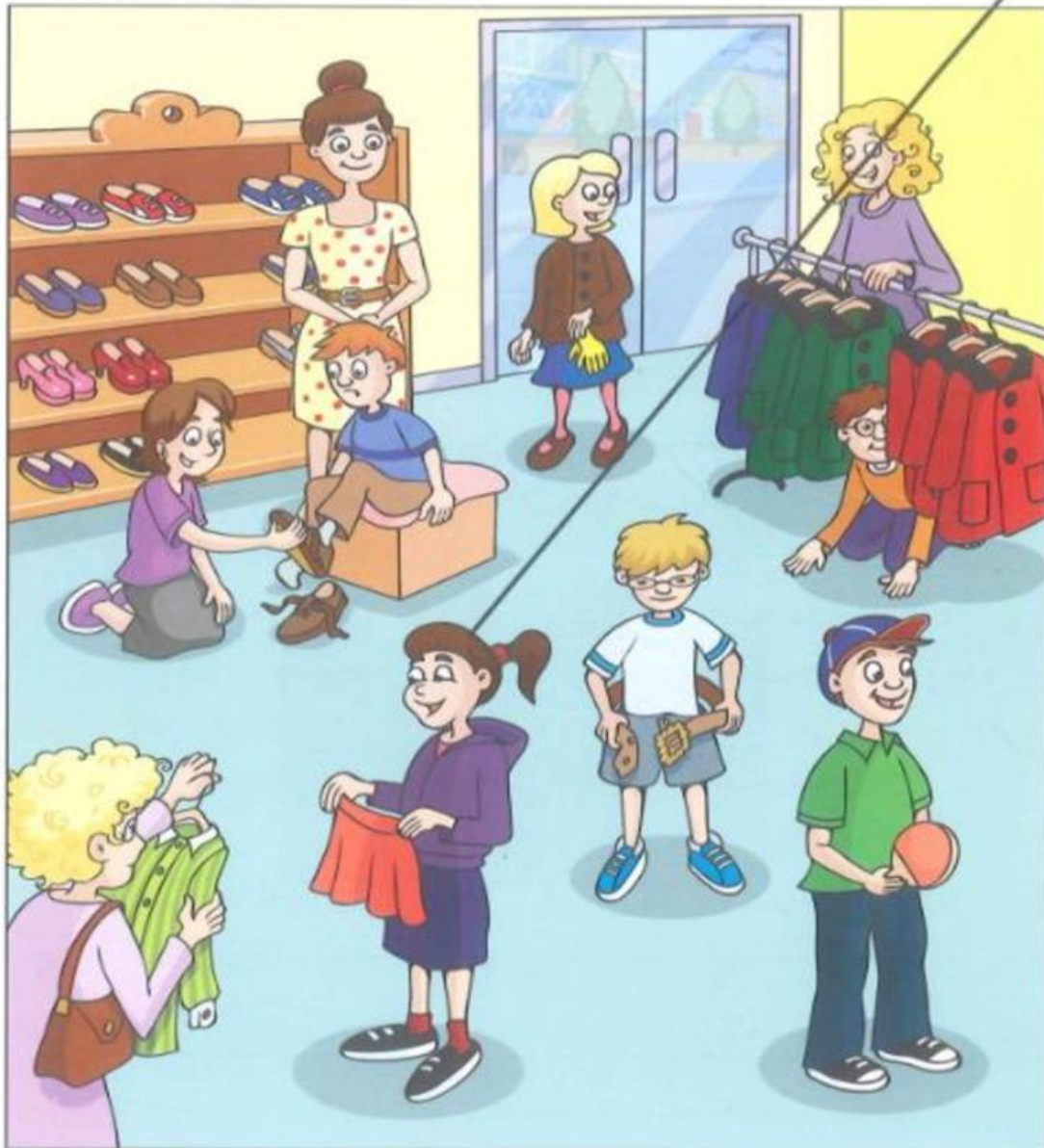
Listen and draw lines. There is one example.

Daisy

Robert

Paul

Betty



Charlie

Katy

Sally

I. Complete the table.

No.	New words	Meaning
0	kitchen	<i>nhà bếp</i>
1	e _____	nhà sinh thái
2	d _____	nhà biệt lập (nhà không chung vách)
3	s _____	nhà sàn
4	b _____	nhà gỗ một tầng

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 2 dòng.

II. Choose the correct answer.

0. The glue is _____, I have to wash my hands.

☒ A. sticky

B. smooth

C. spicy

1. The watermelon was so _____.

A. creamy

B. juicy

C. salty

2. Her skin is _____ and soft after a shower.

A. smooth

B. spicy

C. spiky

3. The fried chicken was _____ and brown.

A. sticky

B. creamy

C. crispy

4. The candy was _____, and it stuck (*mắc kẹt*) to my teeth.

A. fresh

B. clean

C. chewy

5. This chocolate has a _____ taste.

A. bitter

B. juicy

C. smooth